



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Sách Việt Nam

Ngày 30/06/2025	13,500 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-3.6%	-2.2%	19.5%

DT thuần Q2/25
7.48
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.05 16.3%
YoY: ▲ 0.04 0.5%

LN thuần Q2/25
26.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.90 3.5%
YoY: ▲ 5.90 28.2%

LN sau thuế Q2/25
21.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.60 2.9%
YoY: ▲ 4.70 28.3%

Tỷ suất lãi EBIT Q2/25
359%
YoY: +/- ▼ 43.4%

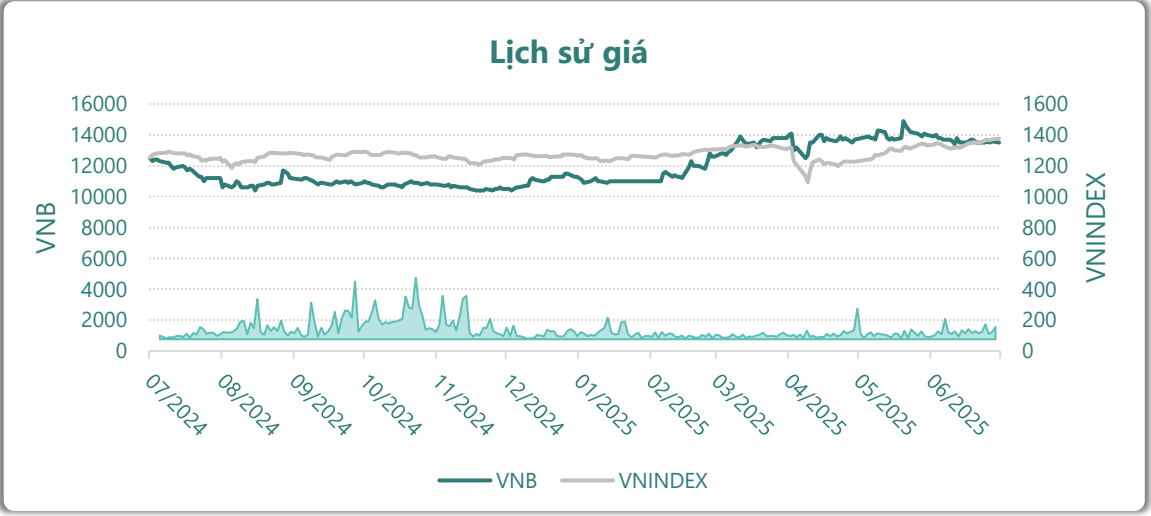
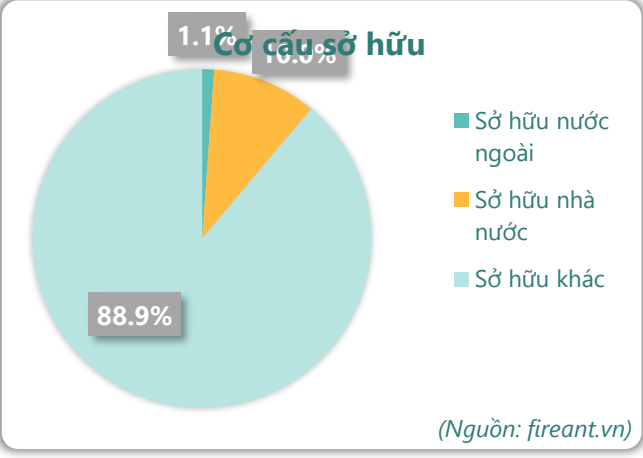
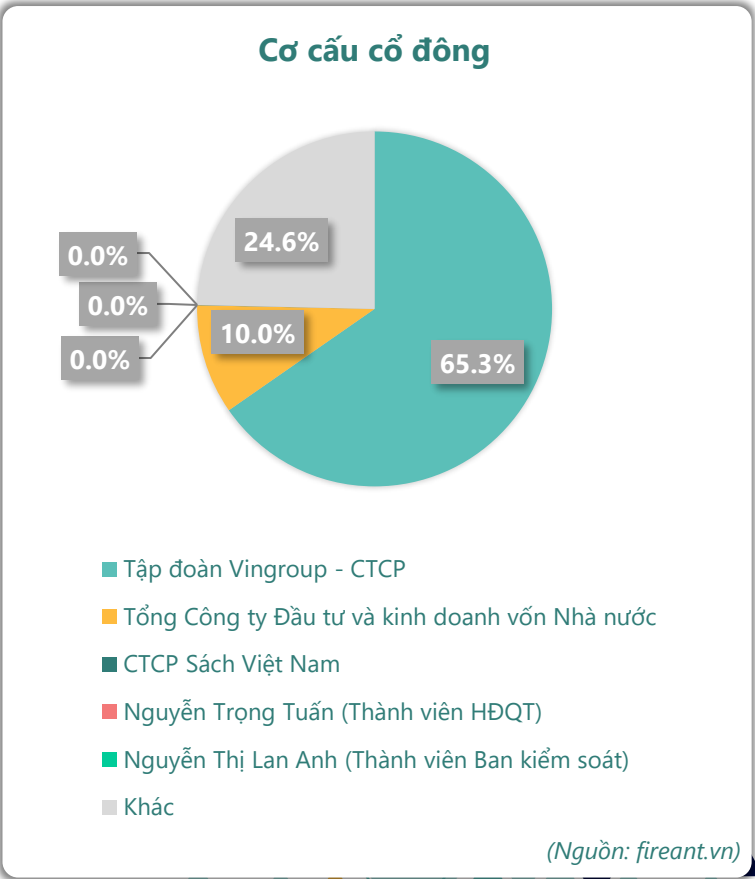
ROE (TTM) Q2/25
7.4%
YoY: +/- ▲ 0.3%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	10,400 - 14,900
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	917
Số lượng CPLH (CP)	67,894,960
KLGD BQ 20 phiên (CP)	39,475
Sở hữu nước ngoài	1.1%
Beta	0.72
EPS	1,210
P/E	11.2

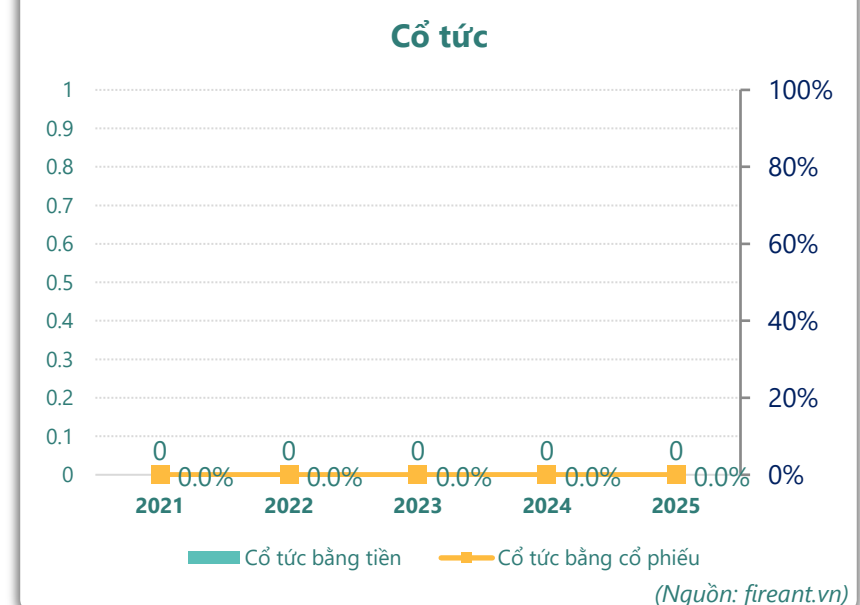
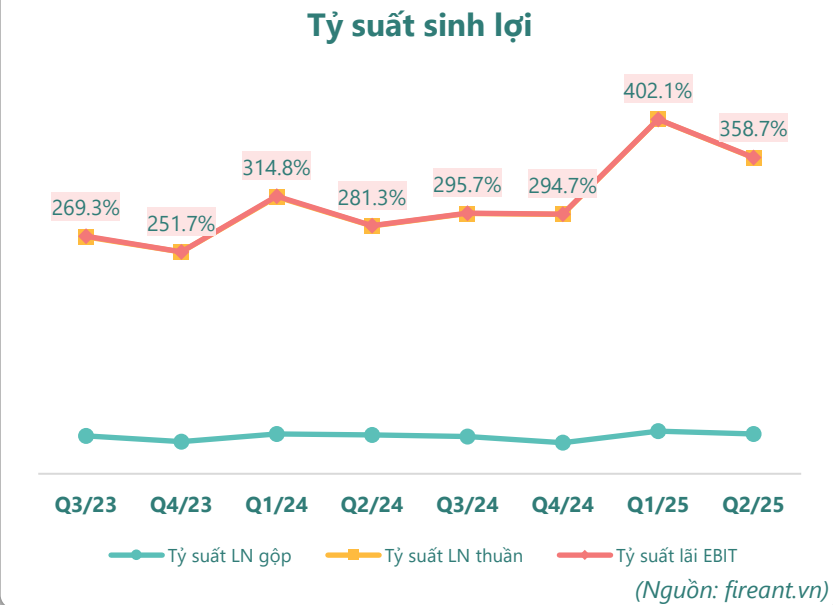
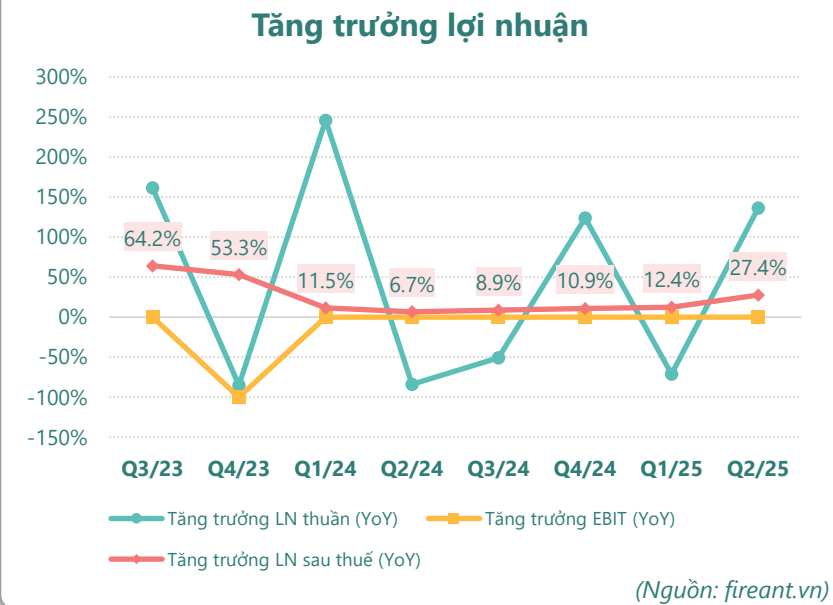
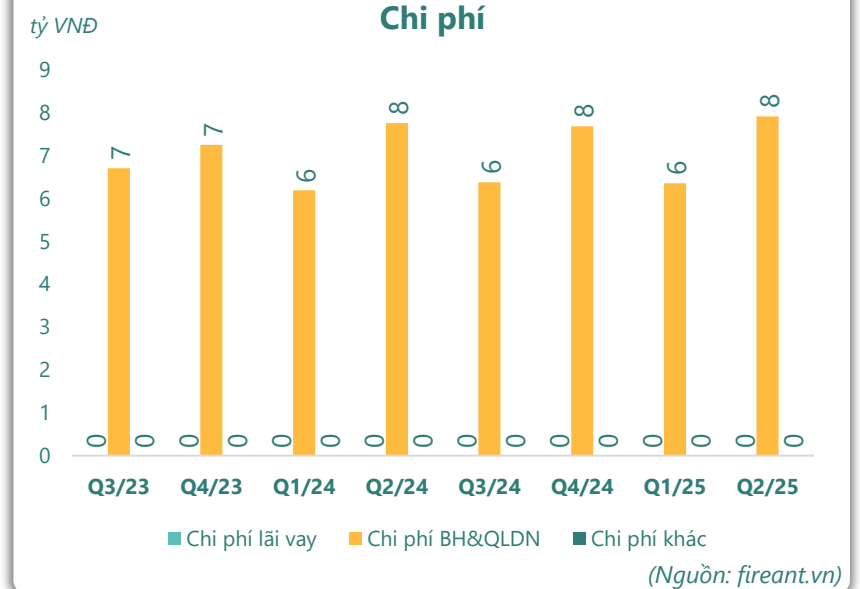
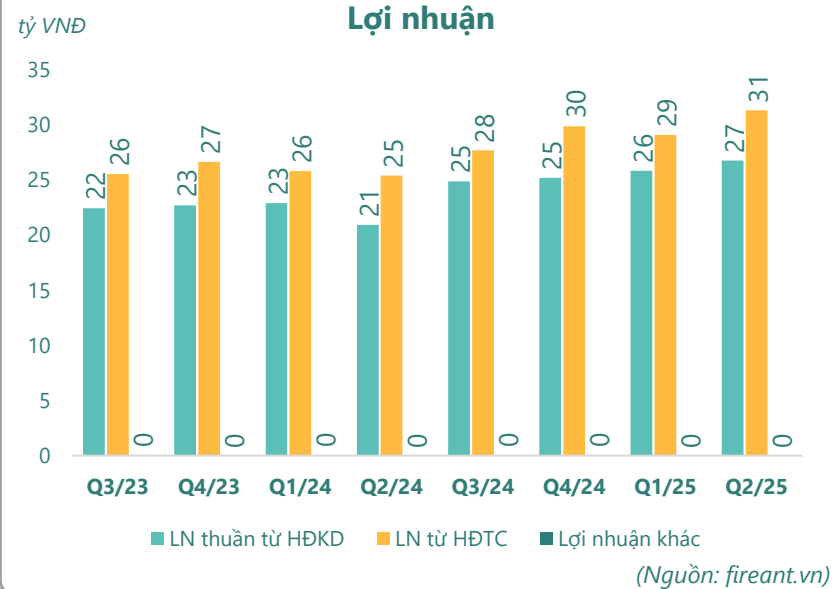
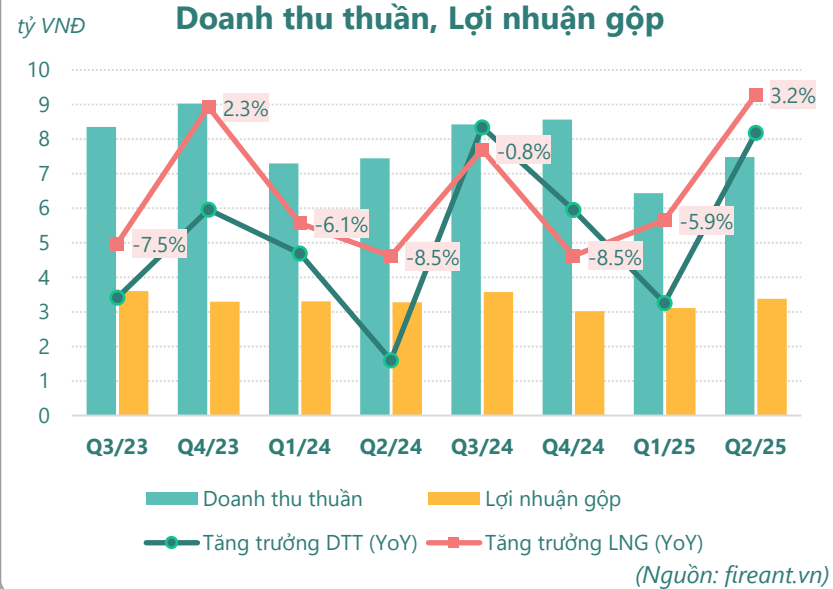
DT thuần 6T 2025
13.9
tỷ VNĐ
YoY: ▼ 0.80 -5.6%

LN thuần 6T 2025
52.7
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 8.80 20.0%

LN sau thuế 6T 2025
42.0
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 7.00 20.1%



KẾT QUẢ KINH DOANH



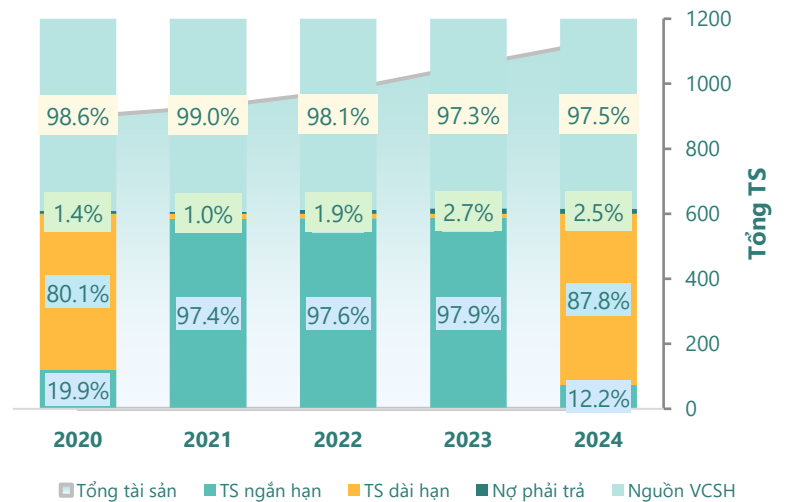


TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

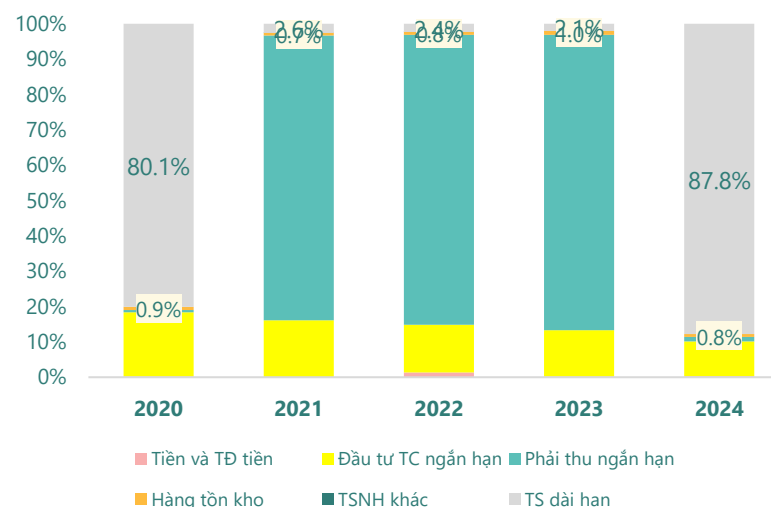
tỷ VNĐ

Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

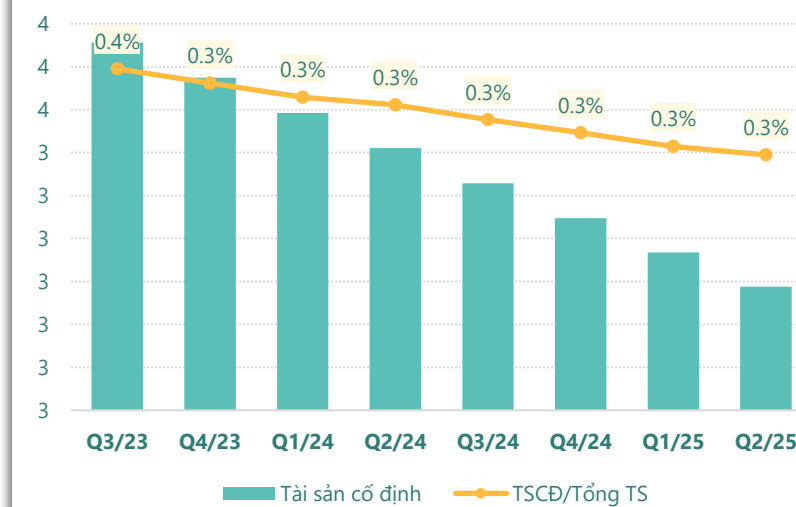
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

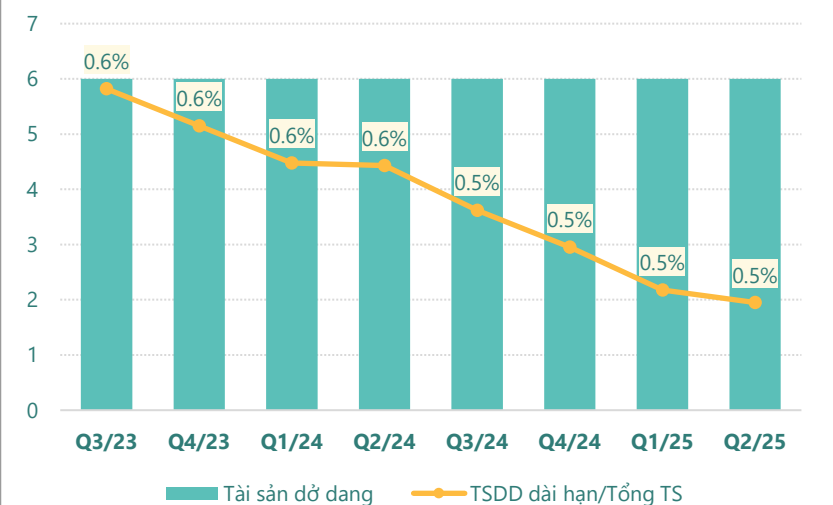
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

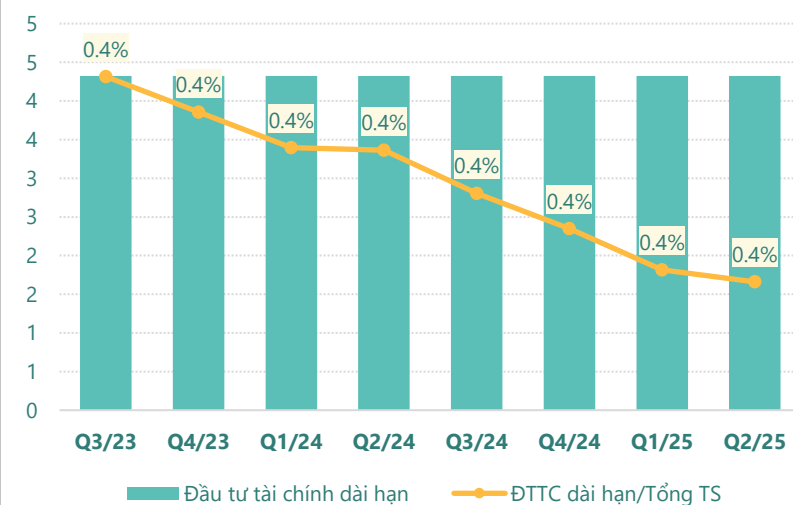
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

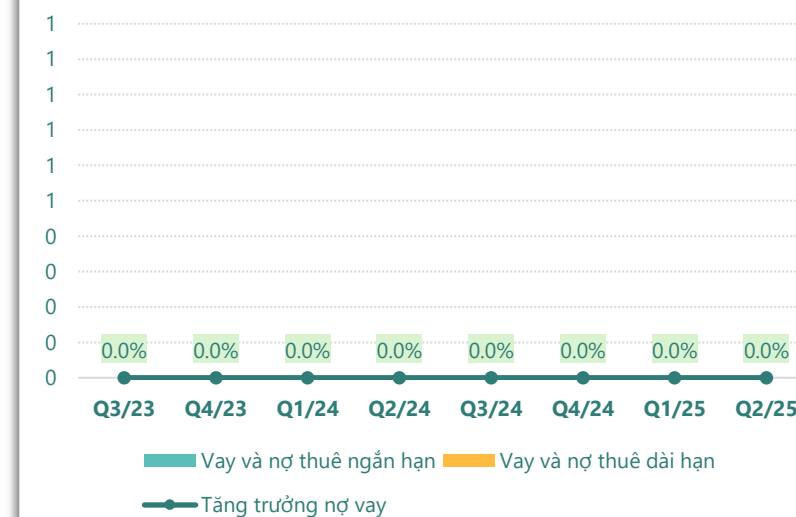
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

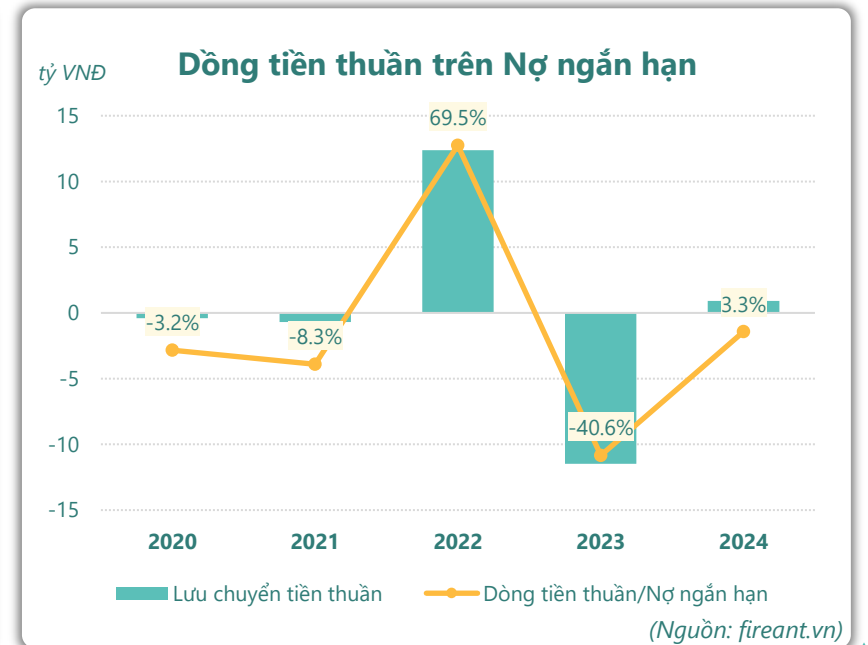
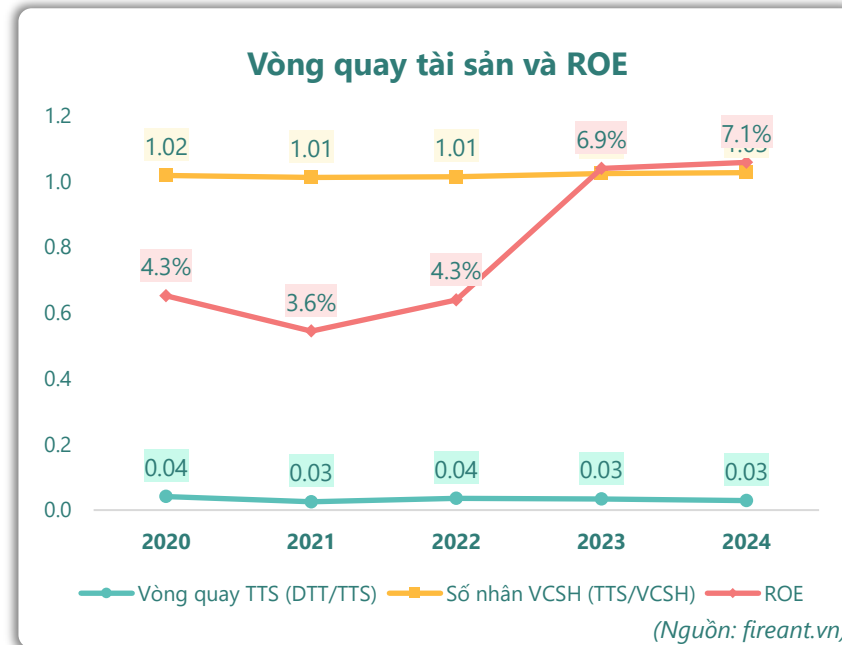
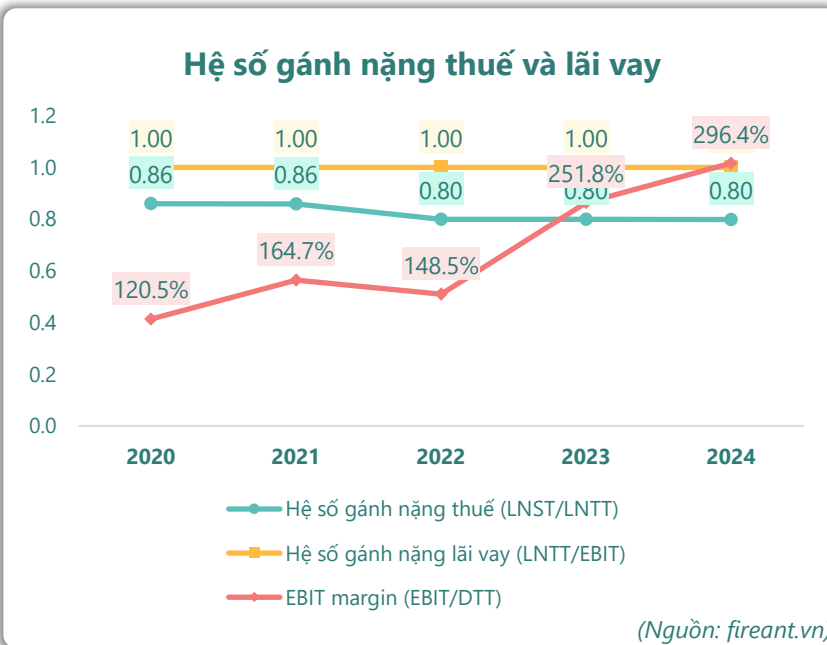
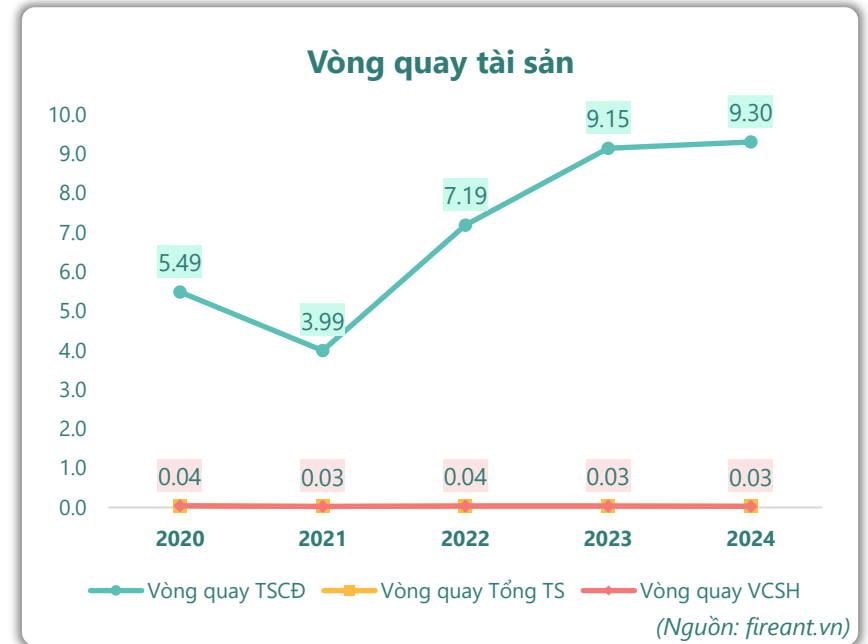
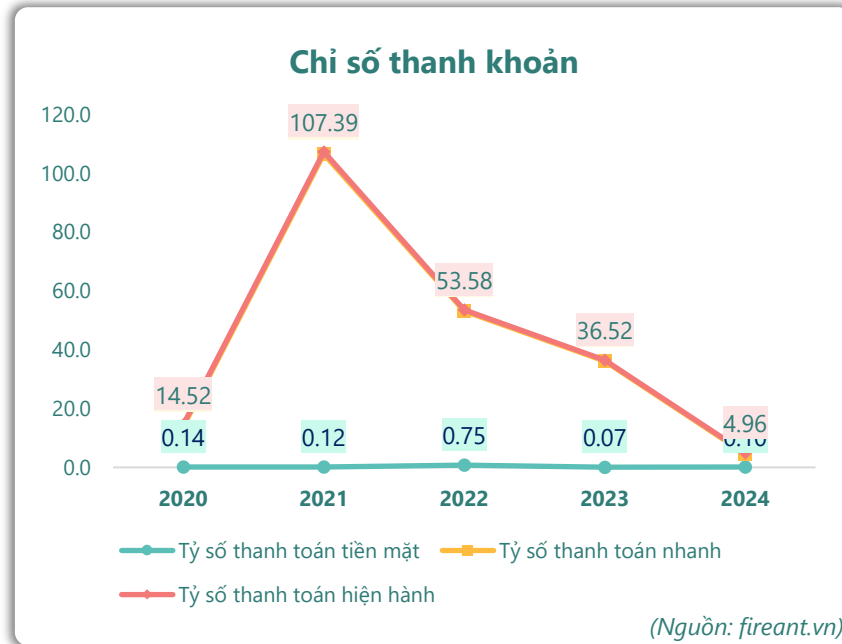
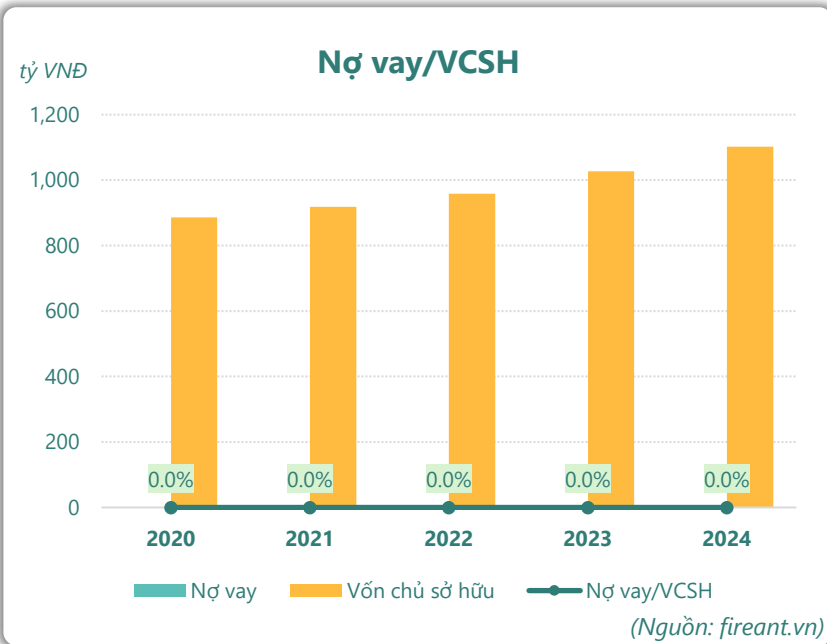
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	7.48	7.44	0.5%	13.9	14.7	-5.6%
Giá vốn hàng bán	4.09	4.17	-1.8%	7.42	8.16	-9.1%
Lợi nhuận gộp	3.38	3.28	3.2%	6.49	6.58	-1.3%
Doanh thu HĐTC	31.4	25.4	23.6%	60.5	51.3	18.0%
Chi phí TC	0.07	0.00		0.07	0.03	134%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	1.69	1.64	3.0%	3.03	2.95	2.8%
Chi phí QLDN	6.23	6.12	1.8%	11.2	11.0	2.2%
LN thuần từ HĐKD	26.8	20.9	28.2%	52.7	43.9	20.0%
Lợi nhuận khác	0.02	0.01	137%	0.03	0.05	-25.1%
LN trước thuế	26.8	20.9	28.3%	52.7	43.9	20.0%
Lợi nhuận sau thuế	21.3	16.6	28.3%	42.0	35.0	20.1%
LNST của CĐ cty mẹ	21.3	16.6	28.3%	42.0	35.0	20.1%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-3.22	-23.3	0.13	-5.25	-2.38	-22.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	3.01	23.2	1.61	4.72	2.42	23.2
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	1.88	1.67	1.59	3.32	2.80	2.84
Lưu chuyển tiền thuần	-0.21	-0.08	1.73	-0.52	0.05	0.55
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1.67	1.59	3.32	2.80	2.84	3.40

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,169	1,131	3.4%
Tài sản ngắn hạn	140	138	1.5%
Tiền và tương đương tiền	3.40	2.80	21.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	89.0	112	-20.2%
Phải thu ngắn hạn	36.6	14.4	154%
Hàng tồn kho	11.1	9.33	19.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	
Tài sản dài hạn	1,029	993	3.6%
Phải thu dài hạn	1,008	972	3.7%
Tài sản cố định	3.09	3.25	-4.9%
Bất động sản đầu tư	6.61	6.95	-4.9%
Tài sản dở dang	6.00	6.00	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	4.32	4.32	0.0%
Tài sản dài hạn khác	0.42	0.43	-2.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	24.3	28.4	-14.3%
Nợ ngắn hạn	23.5	27.8	-15.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	4.97	5.80	-14.3%
Nợ dài hạn	0.80	0.60	32.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,144	1,102	3.8%
Vốn chủ sở hữu	1,144	1,102	3.8%
Vốn điều lệ	679	679	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

